

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2017.

"V/v: Xin ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan.

Ông Nguyễn Quốc Doanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐST-DS ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê D; Sinh năm: 1938

Trú tại: L Ô – L H - V G – H Y.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị L – Sinh năm: 1970

Trú tại: L Ô – L H - V G – H Y.

Tại phiên tòa: Ông D, bà L có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê D trình bày:

Ông kết hôn với bà Đỗ Thị L ngày 05/11/2007 trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Do cả hai bên đều cao tuổi nên trước khi kết hôn ông bà không có thời gian tìm hiểu nhau mà nhận thấy hoàn cảnh của hai bên như nhau nên có thể dựa vào nhau lúc tuổi già.

Trước khi kết hôn với ông, bà L và 02 con không có nơi ở ổn định, phải đi ở nhờ. Sau khi kết hôn ông đón bà L và các con về ở cùng trên nhà đất do ông tạo dựng trước đó. Lần lượt năm 2011 và 2013 hai con của bà L lấy chồng và không ở chung với ông bà nữa.

Trong thời gian vợ chồng chung sống, do cả hai đều đã cao tuổi, ông có lương hưu nên không muốn bà L phải đi làm vất vả mà chỉ ở nhà để hưởng thụ tuổi già. Ông bà chung sống đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà L tính tình ngang ngược, lúc nào cũng chỉ muốn có tiền nên thường nói về chuyện ông có nhiều tài sản, muốn được hưởng thừa kế nên bắt ông phải lập di chúc. Khi ông không làm thì bà L sinh chuyện với ông, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu là từ những lời nói, cử chỉ trong cuộc sống hàng ngày thể hiện không có sự quan tâm thương yêu lẫn nhau. Khi kết hôn với bà L ông mong muốn vợ chồng quan tâm, chăm sóc nhau lẫn nhau về tinh thần, sức khỏe vì ông đã già, nhưng giữa ông và bà L không có được điều này.

Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 10 năm 2015 thì trở nên trầm trọng, ông nhận thức được bà L kết hôn với ông không xuất phát từ tình cảm mà vì vật chất, ông không đáp ứng những đòi hỏi, yêu cầu vật chất của bà L thì vợ chồng mâu thuẫn, nên đã ra ở riêng trên nhà đất của con gái ông tạo dựng. Từ đó vợ chồng ly thân với nhau, tới nay đã gần 2 năm. Trong thời gian ly thân một năm đầu, bà L vẫn thường xuyên tới gặp ông bắt ông đưa tiền, viết di chúc, ông không làm theo nên sau đó bà L không tới gặp ông nữa, gần một năm nay vợ chồng không gặp gỡ, không quan tâm, chăm sóc nhau. Tháng 4 năm 2017, ông bị bệnh tai biến, nhồi máu não, nguy hiểm đến tính mạng, phải đi viện Lão khoa trung ương nằm và điều trị một thời gian dài nhưng bà L không biết, không đến gặp và chăm sóc ông một ngày nào.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà L, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Ông với bà L không có con chung, không nhận ai làm con nuôi. Ông bà ai cũng có con riêng của mình nhưng các anh chị đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống, ông bà tạo dựng được một số tài sản, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng ông không yêu cầu gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, trường hợp vợ chồng phát sinh tranh chấp ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết ở vụ án khác.

Bị đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Bà đồng ý với phần trình bày của ông D về quan hệ hôn nhân của ông bà.

Trước khi kết hôn với ông D, cả bà và ông D đều đã có gia đình nhưng do không hạnh phúc nên vợ chồng ly hôn.

Từ khi ở cùng ông D, ông không cho bà làm bất kỳ một việc gì, chỉ ở nhà chăm sóc ông trong khi sức khỏe của ông vẫn tốt có thể tự chăm sóc, bà muốn đi làm nhưng ông D không đồng ý, dù vậy bà vẫn nhất trí vui vẻ ở nhà, hàng ngày bà

phục vụ, chăm sóc ông D rất chu đáo, cẩn thận. Trong cuộc sống bà cố gắng làm mọi việc theo ý ông D nhưng ông D phụ lòng bà, ông nói sẽ trả bà tiền chăm sóc ông nếu vợ chồng không thể chung sống với nhau nữa, theo bà như vậy ông D không coi trọng sự quan tâm, chăm sóc bà đã dành cho ông, đã xúc phạm danh dự của người vợ.

Chung sống khoảng 2 năm, bà lấy ruộng của bà về cấy lúa, trồng rau sạch ăn. Nhưng khi bà đi làm thì ông D nghi ngờ bà có quan hệ với người đàn ông khác. Do bà trẻ hơn ông D nhiều tuổi, lúc nào ông cũng sợ bà bỏ và đi lấy người khác. Kể từ đó, giữa bà với ông D thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn từ những lời nói trong cuộc sống, cử chỉ hàng ngày.

Tháng 10 năm 2015, ông D đã dọn ra ở nhà riêng, bà ở riêng một mình, nhưng bà vẫn đến gặp, vợ chồng vẫn sinh hoạt bình thường nhưng khi vợ chồng sinh hoạt xong ông D lại đuổi bà về. Tháng 6/2016 ông D bảo không thể tiếp tục chung sống với bà rồi làm đơn xin ly hôn gửi đến UBND xã L H sau đó ông tự rút đơn về.

Tháng 9 năm 2016, ông D phải đi viện, một mình bà chăm sóc ông D tại bệnh viện nhưng ông D vẫn chửi mắng bà, xúc phạm bà rất nhiều, các con riêng của ông D cũng về và xúc phạm bà. Đến khi khỏi bệnh về ông tiếp tục xúc phạm bà nhưng bà vẫn xác định sẽ là vợ ông D đến khi ông chết. Khi ông D bị tai biến bà không biết nên không tới chăm sóc.

Nay ông D làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án, giữa ông bà không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng nên bà không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để ông bà về đoàn tụ. Từ khi ông D làm đơn xin ly hôn, bà nhiều lần muốn nói chuyện với ông D nhưng ông D từ chối và nói rằng muốn ly hôn với bà.

Bà và ông D không có con chung, không nhận ai làm con nuôi, khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Bà không có yêu cầu gì về tài sản, công nợ và đất ruộng nông nghiệp trong vụ án này. Trường hợp phát sinh tranh chấp bà sẽ có yêu cầu trong vụ án khác.

Quá trình điều tra, xác minh bổ sung thể hiện:

Ngày 30/10/2007, ông Lê D và bà Đỗ Thị L có đơn yêu cầu UBND xã L H đăng ký kết hôn.

Sau khi bổ sung, hoàn thiện các văn bản chứng minh tình trạng hôn nhân, ông bà không thuộc trường hợp cấm kết hôn, ông D và bà L đều tự nguyện đăng ký kết hôn nên ông bà đã được đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Việc đăng ký kết hôn được thực hiện ngày 05/11/2007 tại UBND xã L H, huyện V G, tỉnh H Y.

Sau khi đăng ký kết hôn, ông D chuyển hộ khẩu và về chung sống cùng bà L và 02 con gái của bà L trên nhà đất do ông D tạo dựng được trước khi kết hôn tại thôn L Ô, L H, V G.

Từ khi về chung sống cùng bà L, ông D chu cấp toàn bộ chi phí cho bà L và các con bà L, tổ chức lễ cưới cho các con bà L, đến nay các con bà L đều đã trưởng thành.

Ông D tính nết rất hòa đồng với mọi người, trong thời gian chung sống, ông D và bà L không thể hiện ra bên ngoài việc cãi cọ nhau. Tuy nhiên từ khoảng 2 năm nay, ông D bán nhà đất, mua và xây dựng nhà ở một vị trí khác, cũng từ đó ông bà không chung sống với nhau nữa. Qua tiếp xúc thì nắm được giữa ông D và bà L có mâu thuẫn trầm trọng từ những chuyện sinh hoạt vợ chồng, về quan điểm sống nên vợ chồng mới ly thân.

Đến tháng 6/2016 UBND xã L H nhận được đơn xin ly hôn của ông D nhưng qua động viên, thuyết phục, ông D đã rút hồ sơ về không yêu cầu giải quyết ly hôn nữa.

Sau đó một thời gian, ông D nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, không thông qua hòa giải tại chính quyền địa phương.

Ông D và bà L không có con chung, không đăng ký nhận con nuôi.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Các vấn đề khác ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị L không đồng ý ly hôn với ông D, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông D, bác đơn để ông bà về đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

Các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại điều 70; điều 71; điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn bà L của ông D là có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận cho ông D được ly hôn với bà L. Về con chung, tài sản chung, công nợ và đất nông nghiệp không đặt ra giải quyết. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Căn cứ giấy trích lục kết hôn bản sao số 69/TLKH-BS ngày 08/5/2017 do UBND xã L H cấp cho bà Đỗ Thị L và ông Lê D đã xác định: Ông Lê D và bà Đỗ Thị L kết hôn ngày 05/11/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L H trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, không ai ép buộc, việc kết hôn đảm bảo các điều kiện quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà L là hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân và gia đình.

Do bà L đang cư trú tại thôn L Ô, xã L H, huyện V G, tỉnh H Y nên yêu cầu xin ly hôn của ông D đối với bà L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Sau khi kết hôn, ông D và bà L chung sống tại thôn L Ô, L H. Quá trình chung sống, mặc dù giữa ông và bà không thể hiện mâu thuẫn ra bên ngoài nhưng qua quá trình điều tra, xác minh, làm việc với các bên đương sự có đủ căn cứ xác định: Do trước khi kết hôn ông và bà không có tình cảm thương yêu nhau, cảm thấy cả hai có hoàn cảnh tương đồng nên cùng kết hôn, mục đích để nương tựa vào nhau. Do không có sự tin tưởng nhau nên sau khi về chung sống giữa ông D và bà L không nảy sinh tình cảm, dẫn đến mâu thuẫn vì không hòa hợp trong cuộc sống chung. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 10 năm 2015 thì trở nên trầm trọng, ông D và bà L không chung sống cùng nhau nữa. Từ cuối năm 2016 ông và bà đã hoàn toàn ly thân với nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, thậm chí tháng 4/2017 ông D bị tai biến, nhồi máu não, nguy hiểm đến tính mạng, phải đi viện Lão khoa trung ương nằm và điều trị một thời gian dài nhưng bà L cũng không biết, không đến gặp và chăm sóc ông, điều này các đương sự đều thừa nhận.

Tại Tòa án, bà L xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ 2013 kéo dài nhiều năm, đã sống ly thân từ tháng 10/2015, gần một năm nay không gặp gỡ quan tâm, chăm sóc nhau nhưng không đồng ý ly hôn, bà sẽ là vợ ông D đến khi ông chết dù không còn chung sống và ông D vẫn xin ly hôn. Bà L cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh tình cảm vợ chồng vẫn còn. Trong thời gian hai năm vợ chồng ly thân, bà L không có hành động tích cực nào thể hiện thiện chí sẽ đoàn tụ quay lại chung sống cùng ông D.

Như vậy có thể xác định tình cảm giữa ông D và bà L đã không còn, mâu thuẫn giữa ông và bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được quan hệ vợ chồng trên thực tế không còn, không có khả năng đoàn tụ được. Bà L không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng vẫn còn, mà là cố tình gây khó khăn cho ông D trong việc giải quyết ly hôn với bà. HĐXX sẽ căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông D, xử cho ông D được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Lê D và bà Đỗ Thị L đều xác nhận ông và bà không có con chung, không nhận ai làm con nuôi. Nay ly hôn ông và bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ và đất ruộng nông nghiệp: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án này. Trường hợp các đương sự xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đơn khởi kiện.

Về công sức đóng góp: Bà Đỗ Thị L không có yêu cầu gì nên sẽ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, ông D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Tuy nhiên ông là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí được chính quyền địa phương xác nhận nên căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, sẽ miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông D.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Văn Giang

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho ông Lê D được ly hôn với bà Đỗ Thị L.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về công sức; tài sản chung; công nợ và đất ruộng: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Lê D. Ông D không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang
- THADS huyện Văn Giang
- Các đương sự
- UBND xã L H.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Thu Giang